

Bản án số: 268/2018/DSPT
Ngày: 31/10/2018
V/v: T/c Hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Quốc Thái**
Các Thẩm phán: Bà: **Đặng Mạnh Cẩm Yến**
Bà: **Ngô Thị Thu Thiện**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Phương Liên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2018/TLPT- DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DSST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1126/2018/QĐPT- DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lã Tiến A , sinh năm 1949. Hộ khẩu và nơi cư trú: Tổ dân phố CT, thị trấn TQ, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Khánh B- Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh B và Cộng sự - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969. Hộ khẩu và nơi cư trú: Tổ dân phố CV , thị trấn TQ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Văn D, sinh năm 1961. Hộ khẩu và nơi cư trú: Tổ dân phố CV , thị trấn TQ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng:

Chị Lê Huyền Ebsinh 1983. Địa chỉ nơi cư trú: Số 200, phố NĐC, phường NTT, quận BD, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, ông Lã Tiến A trình bày: Bà Nguyễn Thị C sinh 1969, có chồng là ông Vũ Văn D sinh 1961. Ông Vũ Văn D là em ruột vợ ông A. Khoảng năm 2013- 2014, bà C kinh doanh cung cấp thực phẩm cho các bếp ăn tập thể trên địa bàn huyện GL, thành phố Hà Nội. Bà C cần vốn để kinh doanh nên có hỏi vay tiền của vợ chồng ông một vài lần. Những lần vay này, bà C đều trả nợ đầy đủ. Do tin tưởng nên năm 2013, vợ chồng ông A còn đồng ý cho bà C mượn sổ đỏ để vay tiền ngân hàng.

Ngày 28/01/2015, ông A có cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 250.000.000 đồng, thời gian vay không xác định, thỏa thuận khi nào cần thì ông A báo trước một tháng để bà C lo thu xếp trả. Tiền lãi hai bên thỏa thuận ngoài không ghi trong hợp đồng vay tiền.

Tiếp đến, khoảng thời gian tháng 6 năm 2015, con dâu ông A là Lê Huyền Ecó cần vốn để kinh doanh nên ông có đưa số tiền 250.000.000 đồng cho chị E. Tháng 7/2015, ông A có hỏi chị Evề số tiền này thì chị Enói là đưa cho bà C vay nên ông A có yêu cầu chị Egoi bà C, cùng chị Ecó mặt để thỏa thuận rõ, nội dung chuyển nghĩa vụ về việc bà C là người vay số tiền 250.000.000 đồng từ ông A. Bà C đồng ý, nên ngày 21/7/2015 giữa ông Lã Tiến A và bà Nguyễn Thị C thống nhất lập giấy vay tiền, nội dung bà C vay số tiền 250.000.000 đồng của ông A, thời gian vay không xác định, thỏa thuận khi nào cần thì ông A báo trước một tháng để bà C lo thu xếp trả. Tiền lãi hai bên thỏa thuận ngoài không ghi trong hợp đồng vay tiền. Khi lập giấy này có mặt chị Echứng kiến.

Theo ông A khai: số tiền cho bà C vay là do ông A vay của bà Nguyễn Thị Bích F và chị Nguyễn Thanh G trú tại Phố BD, HK, Hà Nội, số tiền 500.000.000đồng.

Đầu năm 2016, do bà F, chị G cần lấy tiền nên ông A thông báo cho bà Nguyễn Thị C phải thanh toán khoản tiền vay 500.000.000đồng để ông A trả bà F, chị G nhưng bà C đều khát lần, không trả. Ông A đã phải bán đất ruộng của gia đình để thanh toán khoản tiền vay cho bà Nguyễn Thị Bích F và chị Nguyễn Thanh G.

Việc ông cho bà C vay tổng số 500.000.000 đồng vào năm 2015, lúc này vợ ông là bà Vũ Thị H còn sống nhưng do cá nhân ông đứng lên vay của bà Nguyễn Thị Bích F và chị Nguyễn Thanh G để cho bà C vay nênvợ ông không liên quan gì. Mặt khác thời gian này bà H đã rất yếu do bị bệnh tiểu đường dẫn đến suy tim, chủ yếu nằm viện và đã qua đời vào năm 2016. Các con ông đã trưởng thành có gia

đình ở riêng nên không liên quan đến việc ông cho bà C vay tiền vì vậy ông A đề nghị Tòa án không đưa các con ông vào tham gia tố tụng.

Cũng theo ông A khai thì khi bà C vay tiền của ông để kinh doanh chung trong gia đình nên ông Vũ Văn D có biết vì vậy, nay ông A yêu cầu bà Nguyễn Thị C cùng ông Vũ Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả ông khoản tiền vay là 500.000.000 đồng. Ông không yêu cầu phải trả bất kỳ khoản tiền lãi nào khác.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn:

Bà Nguyễn Thị C và ông Vũ Văn D đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng bà C và ông D đều vắng mặt không có lý do. Duy nhất có một lần bà C có đơn xin sao chụp tài liệu và có xác nhận của bà C đã nhận được tài liệu photo vào cùng ngày 19/1/2018. Bà C, ông D không đến tham dự phiên tòa sơ thẩm.

Người làm chứng: là chị Lê Huyền E xác nhận nội dung ông A trình bày về khoản nợ của bà C đối với ông A ngày 21/7/2015 là đúng. Chị E công nhận khoản tiền 250.000.000 đồng đã đưa cho bà C từ trước ngày 21/7/2015, ngày 21/7/2015 có mặt chị và ông A, bà C thống nhất chuyển nợ số tiền này sang bà C thì được bà C và ông A đồng ý. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 03/7/2018, Tòa án nhân dân huyện GL đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3; Điều 9; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lã Tiến A .
2. Buộc bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm thanh toán cho ông Lã Tiến A số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lã Tiến A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003331 ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện GL.

Ngoài ra bản án còn tuyên án về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/7/2018 bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1- Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn, bị đơn là đúng luật tố tụng, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện GL là đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, vợ chồng bà C ông D đã biết ông Lã Tiến A có đơn khởi kiện đòi nợ tại Tòa án, nhưng khi Tòa án báo gọi giải quyết đều không có mặt, Tòa án nhân dân huyện GL đã làm các thủ tục tổng đạt và niêm yết theo quy định của pháp luật nên việc bà C ông D không đến Tòa là tự mình tước bỏ quyền lợi được trình bày tại phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm xử vắng mặt bị đơn là phù hợp pháp luật.

2- Về nội dung vụ án:

Theo ông A khai: do bà C là em dâu của vợ ông, thời gian năm 2015, bà C cùng ông D kinh doanh cung cấp thực phẩm cho các bếp ăn tập thể trên địa bàn huyện GL, Thành phố Hà Nội, cần tiền kinh doanh nên ông mới đứng ra vay hộ tiền cho vợ chồng bà C ông D.

+ Lần 1: Ngày 28/01/2015 ông Lã Tiến A cho bà Nguyễn Thị C vay 250.000.000 đồng. Theo “Giấy nhận vay tiền” ngày 28/01/2015 do ông A xuất trình cho Tòa án có nội dung: *...Tôi Nguyễn Thị C CV, TQ vay của anh A ngày 28/01/2015 số tiền là 250.000.000đồng. Tôi đã nhận đủ số tiền của anh A và viết giấy biên nhận. Thời gian trả sẽ báo trước một tháng, còn hành tháng trả đúng ngày 28/ tôi xin thực hiện như đã hứa*”. Người vay tiền bà Nguyễn Thị C ký và ghi rõ họ tên.

+ Lần 2: Ông A có đưa cho con dâu là chị Lê Huyền E 250.000.000đồng để làm ăn, khoảng tháng 7/2015 ông A có hỏi chị E về số tiền đã đưa cho chị E, thì chị E có nói đã đưa cho bà Nguyễn Thị C vay. Ông đã yêu cầu chị E gọi bà C đến để thống nhất về khoản vay, ngày 21/7/2015 giữa Bà C, ông A và chị E đã thống nhất chuyển khoản vay của Bà C đối với chị E sang bà C vay của ông A, bà C đồng ý và đã viết giấy nhận nợ với ông A. Theo giấy “*Giấy nhận nợ vay tiền*”, phần trên ghi: *...Hôm nay là ngày 12/07/2015, Nguyễn Thị C sinh 1969, hộ khẩu thường trú CV, TQ nhờ anh A sinh 1949 ở CT, TQ vay số tiền 250.000.000đồng. Tôi đã nhận đủ của anh A và viết giấy biên nhận này. Thời gian trả nợ báo trước*

một tháng. Người vay tiền bà Nguyễn Thị C ký và ghi rõ họ tên, phần ghi ngày ở dưới lại là ngày 21/07/2015”.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà C thừa nhận có vay của ông Lã Tiến A 250.000.000đồng từ chị Lê Huyền E là con dâu của ông A , sau đó giữa Bà, chị E, ông A đã thỏa thuận chuyển khoản nợ bà vay của chị Esang vay ông A , hai bên có viết giấy vay nợ ngày 21/7/2015.

Còn các giấy vay nợ ngày 28/01/2015 là do ông A nhờ bà viết hộ để ông A có lý do đi vay tiền người khác, bà có viết giấy nhận nợ theo mẫu ông A đưa ra, ông A hứa là sẽ hủy giấy vay nợ đó khi ông vay được tiền người khác, nhưng ông A không hủy giấy như đã hẹn mà dùng chính giấy tờ đó để khởi kiện. Bà không công nhận vay ông A khoản tiền 250.000.000đồng ngày 28/01/2015 như ông A khai, mà chỉ có nợ ông A 250.000.000đồng vay qua chị Eghi ngày 21/7/2015.

Tuy nhiên, Bà C cũng không cung cấp được các chứng cứ nào khác chứng minh là bà chỉ viết giấy hộ cho ông A .

Căn cứ các tài liệu ông A xuất trình, là các giấy biên nhận của bà C viết cho ông A có đủ căn cứ xác nhận ông Lã Tiến A có cho bà Nguyễn Thị C vay 02 lần vào ngày 28/01/2015 và ngày 21/7/2015, mỗi lần 250.000.000đồng, tổng số tiền 500.000.000(năm trăm triệu đồng). Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông A là có căn cứ.

Theo hai giấy vay tiền nói trên thì các bên không qui định, thỏa thuận về mức lãi suất . Trong đơn khởi kiện, ông A không yêu cầu về tiền lãi vay. Chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải thanh toán 2 khoản tiền vay là : 500.000.000đồng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự không trái pháp luật, nên cần được chấp nhận.

Theo yêu cầu của ông A . Bà C vay tiền để kinh doanh chung trong gia đình, nên đề nghị buộc bà C và ông Vũ Văn D là chồng bà C cùng có trách nhiệm trả ông A khoản tiền 500.000.000đồng. Tuy nhiên ông D không thừa nhận. Vì vậy đề nghị của ông A buộc ông Vũ Văn D là chồng bà C cùng có trách nhiệm trả ông A khoản tiền 500.000.000đồng là chưa có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo gọi của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị C kháng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo của ông Hòa là hợp lệ.

Bà Nguyễn Thị C công nhận khoản vay 250.000.000 đồng ngày 21/7/2015 của chị Lê Huyền E, giữa bà C , chị E, ông A đã thống nhất chuyển khoản nợ này sang bà C vay ông A , hai bên đã viết giấy nhận nợ ngày 21/7/2015. Còn khoản nợ

ngày 28/01/2015 Bà C không công nhận, nhưng Bà C không có căn cứ chứng minh, nên kháng cáo của bà C không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6 Điều 11 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị Quyết 326 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện GL. Cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho ông Lã Tiến A số tiền 500.000.000đ(*Năm trăm triệu đồng*).

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm (được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003837 ngày 03/8/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện GL).

Hoàn trả lại cho ông Lã Tiến A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003331 ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện GL.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã kí)

Nguyễn Quốc Thái